

Số: 785 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án  
“Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực Chùa Cao, thôn Quyết Tiến,  
xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 398/TTr-TNMT ngày 08/8/2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực Chùa Cao, thôn Quyết Tiến, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Cát Tường<sup>1</sup> (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại khu vực Chùa Cao, thôn Quyết Tiến, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

<sup>1</sup> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400933614, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 28/02/2022.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định<sup>2</sup>: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực Chùa Cao, thôn Quyết Tiến, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND huyện Lạng Giang; UBND xã Xương Lâm; Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Cát Tường và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Cát Tường (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

<sup>2</sup> thành lập theo Quyết định số 1018/QĐ-TNMT ngày 13/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án “Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực Chùa Cao, thôn**  
**Quyết Tiến, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”**  
*(Kèm theo Quyết định số 785 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực Chùa Cao, thôn Quyết Tiến, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Địa điểm thực hiện: tại khu vực Chùa Cao, thôn Quyết Tiến, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Cát Tường.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

\* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại khu vực Chùa Cao, thôn Quyết Tiến, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

\* Quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Dự án có diện tích khai thác là 5,0 ha.
- Phạm vi, địa điểm cung cấp khoáng sản:
  - + Đối với khoáng sản chính (đất san lấp): Cung cấp cho các dự án: Tuyến đường trục từ thị trấn Vôi đi đường Nghĩa Hưng - Tiên Lục - Dương Đức; Tuyến đường huyện đoạn từ Dương đức đi Xuân Hương (theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang) và các dự án, công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, địch họa; công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

+ Đối với khoáng sản đi kèm (Đất sét gạch): Cung cấp cho các Nhà máy gạch tuynel đã chấp thuận đầu tư, đang hoạt động sản xuất trên địa bàn huyện Lạng Giang.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: **785.626 m<sup>3</sup>** đất san lấp, đất làm gạch (ở trạng thái chặt), trong đó: đất san lấp là 705.216 m<sup>3</sup>; khoáng sản đi kèm (đất làm gạch) là 80.410 m<sup>3</sup>.

- Công suất khai thác: 330.000 m<sup>3</sup>/năm đất san lấp, đất làm gạch (ở trạng thái chặt), trong đó: đất san lấp là 304.000 m<sup>3</sup>/năm và khoáng sản đi kèm (đất sét gạch) là 26.000 m<sup>3</sup>/năm.

(theo Quyết định số 752/QĐ-TNMT ngày 08/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường (được UBND tỉnh ủy quyền) về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (đất san lấp) tại khu vực Chùa Cao, thôn Quyết Tiến, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang” thì hệ số nở rời của đất san lấp là 1,266; đất làm gạch là 1,21).

- Mức sâu kết thúc khai thác: cốt +10m.
- Tuổi thọ mỏ: 2,5 năm (không bao gồm thời gian cải tạo, phục hồi môi trường).

### **1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà tổng hợp văn phòng (thuê của người dân gần khu vực dự án), đường nội bộ mỏ, đường vào mỏ nối từ đường liên thôn hiện trạng tới ranh giới mỏ, mặt bằng khai thác ban đầu, khu phụ trợ, mốc giới, camera giám sát, trạm cân, kho chất thải nguy hại, hố lắng, rãnh thoát nước, ...

- Hoạt động của dự án đầu tư: Giải phóng mặt bằng; phát quang thực vật bề mặt; vận chuyển cây cối phát quang; thi công tuyến đường giao thông, san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, rãnh thoát nước, hố lắng; hoạt động khai thác và vận chuyển đất, ...

### **1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Việc chiếm dụng đất: Diện tích khu vực khai thác 5,0 ha, trong đó diện tích đất rừng sản xuất là 4,94ha, diện tích đất giao thông là 0,064 ha.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc trong quá trình phát quang thảm thực vật và hoạt động của các phương tiện vận chuyển cây cối phát quang; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; hoạt động của máy móc thi công làm đường giao thông và san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hố lắng, rãnh thoát nước.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân; chất thải rắn từ phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, từ hoạt động san gạt, xúc bốc xây dựng công trình; chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thi công.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công; nước thải từ hoạt động thi công xây dựng và nước mưa chảy tràn qua bề mặt dự án.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố sạt lở, sụt lún; sự cố tai nạn lao động; tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai, ...

## **2.2. Giai đoạn vận hành dự án**

Hoạt động khai thác, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của công nhân tác động tới môi trường:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào, bốc xúc đất san lấp; từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác tại mỏ; hoạt động của các phương tiện vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ quá trình rửa xe; nước mưa chảy tràn trên khai trường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn từ quá trình khai thác (đất, đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển); chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố sạt lở, sụt lún tầng khai thác; sự cố sụt lún, sạt lở đường giao thông do mưa bão kéo dài; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường...

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### *3.1.1. Nước thải, khí thải*

\* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 5 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (SS), BOD<sub>5</sub>, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công sẽ cuốn theo đất đá, các chất bẩn trên bề mặt, dầu mỡ... xuống hệ thống thoát nước của khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

\* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và cây cối phát quang, từ quá trình phát quang thảm thực vật, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi,...

- Bụi, khí thải từ quá trình thi công xúc bốc, làm đường giao thông, san gạt tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình hố lửng, rãnh thoát nước, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi,...

#### *3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*

\* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ công nhân xây dựng khoảng 5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật (sau khi đã tận thu) khoảng 60 tấn, với thành phần chủ yếu là thân cây, cành, rễ, lá cây,...

- Chất thải rắn xây dựng (như: đất đá rơi vãi, vỏ bao xi măng, sắt thép thừa, bê tông gạch vỡ...) phát sinh khoảng 227 kg trong quá trình thi công xây dựng.

\* Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại (như: giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhiên liệu và dầu diesel thải...) phát sinh khoảng 20 kg trong cả giai đoạn thi công xây dựng.

### 3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc, thiết bị, tham gia thi công; từ các phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến hộ dân bị thu hồi đất, tác động đến cảnh quan địa hình,...

- Tác động do sự cố như: sự cố xói mòn, trượt lở, sụt lún; sự cố cháy nổ; sự cố ngập úng; sự cố tai nạn lao động; tai nạn giao thông...

## 3.2. Giai đoạn vận hành dự án

### 3.2.1. Nước thải, khí thải

\* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân khoảng 1,0 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, tổng Coliforms...

- Nước mưa chảy tràn trên khai trường cuốn theo đất, đá xuống các thủy vực hoặc các vùng đất trũng làm tăng độ đục của nước, gây bồi lấp các rãnh thoát nước, cản trở dòng chảy của khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng,...

+ Nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe khoảng 21,2 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

\* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san lấp, từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác trên khai trường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi,...

- Bụi từ mặt đường cuốn theo xe vận chuyển đất san lấp; từ quá trình xúc bốc trên khu vực khai thác, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

### 3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

\* Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ công nhân khoảng 5 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình khai thác (bao gồm: đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển) khoảng 0,17 m<sup>3</sup>/ngày.

\* Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị (như: gang tay, giẻ lau dính, bao bì cứng thải bằng nhựa...) khoảng 300 kg/năm.

### 3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông vận chuyển, máy móc, thiết bị khai thác như máy xúc, máy ủi,...

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến kênh mương thủy lợi; tác động đến giao thông khu vực...

- Tác động do rủi ro, sự cố: sự cố sạt lở tầng khai thác; sự cố do mưa bão kéo dài; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động; sự cố sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường...

## 4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

### 4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

#### 4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

##### 4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

\* Nước thải sinh hoạt:

Chủ dự án thuê 01 nhà của người dân gần khu vực dự án làm văn phòng hoặc sử dụng nhà container làm văn phòng. Công nhân sử dụng nhà vệ sinh tại nhà dân được thuê, nước thải được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường. Đối với bùn thải từ nhà vệ sinh, chủ dự án thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định, với tần suất 01 lần/năm hoặc khi bể chứa chất thải đầy.

\* Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng rãnh thoát nước, hồ lắng trong diện tích khai trường. Rãnh thoát nước bằng đất có chiều dài rãnh 137 m, chiều rộng mặt rãnh 1,2 m, chiều rộng đáy rãnh 0,4 m, chiều sâu rãnh 0,4 m. Nước mưa theo rãnh thoát nước dẫn về 01 hồ lắng (diện tích 550 m<sup>2</sup>, chiều sâu 1,5 m) để lắng cặn trước khi chảy vào rãnh thoát nước của khu vực.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước, không để phế thải xây dựng xâm nhập, gây tắc nghẽn, ứ đọng.

\* Nước thải thi công:

Bố trí 01 thùng phi có dung tích 500 lít để chứa đựng nước rửa dụng cụ và tận dụng lượng nước này cho việc tưới đập bụi trong khu vực thi công, không xả thải ra ngoài môi trường.

#### 4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện tưới nước trên khu vực thi công, trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công để giảm thiểu bụi, với tần suất 2-4 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng (không thực hiện tưới nước vào ngày mưa). Tiêu chuẩn tưới nước 0,5 lít/m<sup>2</sup>.

- Trong quá trình thi công xây dựng mở cũng như quá trình khai thác, vận chuyển đất: định kỳ mỗi tháng 1 lần, chủ dự án khảo sát tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra tuyến đường bê tông liên thôn, nếu có hiện tượng xuống cấp, hư hỏng tiến hành sửa chữa kịp thời.

- Phương tiện vận tải trước khi ra khỏi khu vực dự án cần che đậy tránh rơi vãi đất, đá trong quá trình vận chuyển.

- Khi chạy qua các khu vực đông dân cư phải chạy chậm để hạn chế đất đá rơi vãi trên đường (chạy với tốc độ 5km/h).

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, luôn để các phương tiện này hoạt động trong trạng thái tốt nhất để hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng có hại.

- Lên kế hoạch tu sửa, cải tạo các tuyến đường giao thông định kỳ nhằm nâng cao chất lượng đường giao thông theo cơ chế hỗ trợ đóng góp kinh phí cải tạo, sửa chữa dựa trên quy mô diện tích đầu tư của dự án.

#### 4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

##### 4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

###### \* Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại tại nguồn. Bố trí 01 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực dự án để thu gom chất thải. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần).

###### \* Chất thải rắn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thực vật: Toàn bộ cây lâm nghiệp, cây ăn quả cho người dân tận thu, phần thực bì còn lại được tận dụng làm củi đun nấu và thu gom mang đi xử lý tạo mặt bằng cho quá trình khai thác.

- Chất thải rắn xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

- Đối với các loại chất thải tái chế được (như: tôn, sắt thép, bao bì...) được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Đối với các loại chất thải xây dựng (như: vữa, cát, sỏi dư thừa...) được thu gom, tận dụng làm vật liệu san lấp tại mặt bằng đường giao thông nội bộ vào khu vực dự án, không đổ thải ra môi trường xung quanh.

##### 4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại



- Bố trí 04 thùng phi có dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại, mỗi thùng có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại theo quy định.

- Lưu chứa chất thải nguy hại trong kho chứa có diện tích 4m<sup>2</sup>, nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo để sử dụng trong quá trình thi công xây dựng cũng như quá trình hoạt động khai thác mỏ.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định cùng chất thải nguy hại trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động khai thác mỏ.

#### *4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

#### *4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác*

- Không chặt phá cây lâm nghiệp bừa bãi, không tiến hành khai thác lâm sản trái phép tại khu vực dự án, cũng như khu vực xung quanh.

- Trong quá trình thi công xây dựng, chủ dự án nghiêm túc thực hiện theo đúng bản vẽ thiết kế, không đê đất đá treo sườn tầng. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá nguy cơ có thể xảy ra sụt lún, sạt lở để có phương án xử lý kịp thời.

- Trường hợp xảy ra hiện tượng sạt lở đất, đá phải huy động máy móc, thiết bị tiến hành gia cố, vữa mái bờ để ổn định địa hình.

- Tạm dừng hoạt động vào những ngày mưa bão, đồng thời yêu cầu cán bộ, công nhân rời khỏi khu vực dự án để tránh các tác động của thiên tai.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước không để xảy ra ú đọng, tắc nghẽn rãnh thoát nước khu vực dự án và khu vực xung quanh.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, ...) và có quy định về sử dụng trang thiết bị bảo hộ trong khu vực công trường.

- Bố trí biển cảnh báo khu vực công trường tại điểm giao cắt để người tham gia giao thông biết, quan sát khi đến đoạn giao cắt với đường vào mỏ.

## **4.2. Giai đoạn vận hành dự án**

### *4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải*

#### **4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải**

\* Nước thải sinh hoạt:

- Tiếp tục sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn thuê của nhà dân để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân làm việc tại dự án, đảm bảo nước thải xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại (định kỳ 03 tháng/lần).
- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng hút cặn bể tự hoại vận chuyển đi xử lý theo quy định (định kỳ 01 năm/lần).

\* Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng rãnh thoát nước, hồ lắng trong diện tích khai trường. Rãnh thoát nước bằng đất có chiều dài rãnh 137 m, chiều rộng mặt rãnh 1,2 m, chiều rộng đáy rãnh 0,4 m, chiều sâu rãnh 0,4 m. Nước mưa theo rãnh thoát nước dẫn về 01 hồ lắng (diện tích 550 m<sup>2</sup>, chiều sâu 1,5 m) để lắng cặn trước khi chảy vào rãnh thoát nước của khu vực.

- Thường xuyên nạo vét rãnh thoát nước mưa, hồ lắng không để đất, đá trôi lấp xuống các thủy vực xung quanh (định kỳ 03 tháng/lần).

\* Nước thải từ quá trình rửa xe:

Bãi rửa xe được bố trí dạng hồ trũng để lắng cặn, nước được lưu tại hồ và tận dụng để rửa xe, dập bụi. Tiếp tục sử dụng hồ lắng (diện tích 550 m<sup>2</sup>; chiều sâu 1,5 m) để lắng cặn, sau đó được tận dụng lượng nước này cho việc rửa dụng cụ và tưới dập bụi trong khu vực mỏ. Phần bùn cặn từ bãi rửa xe (tại hồ trũng) được nạo vét thường xuyên (định kỳ 01 tuần/lần) và tận dụng làm đất đắp trồng cây.

#### 4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m<sup>3</sup>. Thực hiện tưới nước để giảm thiểu bụi tại khu vực khai thác, trên tuyến đường vận chuyển đất san lấp bắt đầu từ mỏ qua tuyến đường bê tông đến đường Đại Lâm-An Hà (trong bán kính khoảng 2,5 km), với tần suất tưới là 2-4 lần/ngày, tăng lên 4-6 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng. Tiêu chuẩn tưới nước 0,5 lít/m<sup>2</sup>.

- Bố trí bãi rửa xe trên khu vực dự án và thực hiện xịt rửa xe trước khi ra khỏi mỏ để loại bỏ toàn bộ đất, đá bám xung quanh thành xe, lốp xe đảm bảo không làm phát tán bụi trong quá trình vận chuyển.

- Các phương tiện vận chuyển có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế đất rơi vãi và bụi khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

- Thu dọn đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi, tạo cảnh quan, giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

- Duy tu, bảo dưỡng những đoạn đường vận chuyển đất, đá chưa đạt yêu cầu cho vận tải nặng thường xuyên đi qua, không đổ đất bừa bãi.

- Sử dụng xe có tải trọng từ 20 tấn trở xuống để vận chuyển đất, đá khai thác tại mỏ. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường vận chuyển được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất gây ra, chủ dự án có trách nhiệm bố trí kinh phí, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để khắc phục, sửa chữa kịp thời.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

\* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 01 thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít để công nhân bỏ chất thải.
- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo quy định, với tần suất 03 ngày/lần.

\* Chất thải rắn thông thường từ quá trình khai thác:

- Bố trí công nhân, máy gạt thường xuyên thu gom đất, đá rơi vãi từ quá trình xúc bốc, vận chuyển trên đường để tiếp tục được sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng.
- Không đổ đất, đá quá đầy vượt quá chiều cao của thành xe, tránh làm đất, đá rơi xuống đường vận chuyển.
- Các xe vận chuyển đất sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, chằng buộc bạt chặt chẽ.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 04 thùng phi, dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại, mỗi thùng có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại theo quy định.
- Lưu chứa chất thải nguy hại trong kho chứa có diện tích 4 m<sup>2</sup>, nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo (đã bố trí ở giai đoạn thi công xây dựng).
- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, với tần suất 01 lần/năm.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.
- Máy móc thiết bị phục vụ khai thác đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn.
- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.
- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc những khu vực có tiếng ồn cao.

- Không khai thác, vận chuyển đất vào giờ nghỉ trưa (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút) và vào ban đêm (từ 19 giờ tối đến 6 giờ sáng ngày hôm sau) để không làm ảnh hưởng đến những hộ dân sống xung quanh khu vực dự án, cũng như những hộ dân trên tuyến đường vận chuyển.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.2.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Phương án được lựa chọn thực hiện

\* Đối với khu vực kết thúc khai thác và các taluy bảo vệ:

- Khu vực kết thúc khai thác: Khai trường kết thúc khai thác ở mức cốt +10m, khi đó phần lớn mặt bằng kết thúc đã tương đối bằng phẳng theo thiết kế có tổng diện tích 42.784m<sup>2</sup>.

Quá trình khai thác đã tiến hành vừa khai thác, vừa san gạt tạo mặt phẳng đúng yêu cầu thiết kế, do đó trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường, chủ dự án thực hiện san gạt tạo mặt bằng bằng phẳng để thuận lợi cho việc đào hố, bổ sung đất màu và trồng cây lâm nghiệp (keo lai). Diện tích san gạt chiếm 30% tổng diện tích kết thúc khai thác, chiều cao san gạt trung bình 0,2m, khối lượng san gạt 2.567,04 m<sup>3</sup>.

Quá trình trồng cây được thực hiện đồng thời với quá trình san gạt tạo mặt bằng, san gạt đến đâu trồng cây đến đó. Diện tích trồng cây 42.784m<sup>2</sup>, số hố trồng cây phải đào trên khu vực kết thúc khai thác ở cốt +10m (mật độ cây 2.200 cây/ha): 4,2784 ha x 2.200 cây/ha = 9.412 hố (đối với các khu vực được đào hố trồng keo lai, để đảm bảo cho keo lai có thể sinh trưởng, chủ dự án sẽ tiến hành bổ sung vào mỗi hố một lượng đất màu khoảng 0,027m<sup>3</sup>/hố, lượng đất màu này được mua ngoài thị trường). Khối lượng đất màu 254,124 m<sup>3</sup>.

- Khu vực taluy bảo vệ: Mái taluy bảo vệ được tạo ngay trong quá trình khai thác với góc nghiêng sườn tầng kết thúc 65<sup>0</sup>, khai thác đến đâu tạo góc nghiêng sườn tầng kết thúc đến đó, sau đó dùng máy xúc gia cố góc dốc sườn tầng đảm bảo theo thiết kế nhằm giảm bớt chi phí trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường (ở giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường không phải tiến hành gia cố lại các khu vực này).

\* Khởi công toàn bộ hệ thống rãnh thoát nước, hồ lắng

- Đối với hệ thống rãnh thoát nước: Nạo vét rãnh thoát nước khu vực kết thúc khai thác, rãnh đất có chiều dài 969m, chiều sâu nạo vét 0,25m (bề dày đất bồi lắng), chiều rộng nạo vét 1m. Khối lượng nạo vét 242,25m<sup>3</sup>.

- Đối với hồ lắng: Đề đảm bảo an toàn sau khi kết thúc khai thác, chủ dự án tiến hành lấp toàn bộ hồ lắng, phần đất lấp hồ lắng được tận dụng luôn tại khu vực san gạt trên mặt bằng kết thúc khai thác và đất từ việc nạo vét rãnh thoát nước.

\* Tháo dỡ công trình

- Kho chất thải nguy hại diện tích 4m<sup>2</sup>.

- Camera giám sát: 01 chiếc;

- Trạm cân: 01 trạm.

- Móc giới mỏ (12 chiếc), kích thước: 0,2m x 0,3m x 0,8m. Khối lượng móc giới cản tháo dỡ 0,576m<sup>3</sup>.

\* Cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ và tuyến đường nội bộ mỏ

- Đối với tuyến đường nội bộ mỏ: Được san gạt cùng với quá trình san gạt, cải tạo phục hồi, phục hồi khu vực kết thúc ở cốt +10m.

- Đối với tuyến đường bê tông hiện trạng (là tuyến đường liên thôn), chủ dự án khảo sát để cải tạo, sửa chữa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại. Chiều dài tuyến đường bê tông sử dụng theo thỏa thuận khoảng 200m, chiều dày lớp bê tông 0,25m. Khi kết thúc khai thác chủ dự án sẽ cải tạo, sửa chữa tuyến đường ở những vị trí còn hư hỏng, dự kiến chiếm khoảng 20% diện tích tuyến đường. Như vậy khối lượng cải tạo:  $200\text{m} \times 4\text{m} \times 0,25\text{m} \times 0,2 = 40 \text{ m}^3$ .

\* Lắp đặt biển cảnh báo

Lắp biển cảnh báo tại khu vực người dân thường xuyên đi lại, có nguy cơ sụt lún, mất an toàn. Cột biển báo bằng ống kẽm  $\phi 60$ , kích thước biển báo  $0,6\text{m} \times 0,6\text{m}$ , chất liệu bằng tôn thép không rỉ, số lượng 14 biển.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
<b>I.</b>	<b>Các công trình dọn dẹp, tháo dỡ</b>		
1	Kho CTNH	m <sup>2</sup>	04
2	Camera giám sát	chiếc	01
3	Trạm cân và bãi rửa xe	trạm	01
4	Móc giới mỏ (12 chiếc)	m <sup>3</sup>	0,576
5	Nhà văn phòng (nhà container)	chiếc	01
<b>II.</b>	<b>Cải tạo đường giao thông</b>		
1	Cải tạo tuyến đường bê tông	m <sup>3</sup>	40
<b>III.</b>	<b>Cải tạo mặt bằng kết thúc khai thác</b>		
1	Kết thúc ở mức cốt +10	m <sup>3</sup>	2.567,04
2	Lắp đặt biển cảnh báo	chiếc	14
<b>IV.</b>	<b>Đào hố, trồng cây, bổ sung đất màu khu vực kết thúc khai thác, đường giao thông</b>		
1	Diện tích trồng cây trên khu vực kết thúc 4,2784 ha	hố	9.412
2	Bổ sung đất màu	m <sup>3</sup>	254,124
<b>V.</b>	<b>Nạo vét hệ thống thoát nước, bảo dưỡng duy tu các công trình sau cải tạo</b>		
1	Nạo vét rãnh thoát nước	m <sup>3</sup>	242,25
2	Duy tu các công trình sau cải tạo	hệ thống	Toàn bộ khu vực cải tạo, phục hồi môi trường

c) Kế hoạch thực hiện

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các công việc cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác như sau:

- Dọn dẹp công trình phụ trợ, tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại; tháo dỡ camera giám sát; tháo dỡ trạm cân; tháo dỡ mốc giới mỏ; san gạt khu vực kết thúc khai thác; cải tạo tuyến đường bê tông; lắp đặt biển báo: Trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

- Trồng và chăm sóc cây trên khu vực kết thúc khai thác: Trong thời gian 02 năm, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

d) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: **1.004.420.683 đồng**.

- Phương thức ký quỹ:

Do thời gian khai thác của dự án là 2,5 năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản), do đó chủ dự án thực hiện ký quỹ nhiều lần (03 lần), trong đó:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ: 1.004.420.683 đồng x 25% = **251.105.171 đồng**.

+ Số tiền ký quỹ hằng năm (từ lần thứ 02 trở đi):  $(1.004.420.683 - 251.105.171)/(2,5-1) = \mathbf{502.210.341 \text{ đồng}}$ .

- Thời điểm ký quỹ (lần đầu, lần thứ 02 trở đi): Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang.

4.2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Khai thác theo thứ tự từ trên xuống dưới và tạo các tầng, mặt tầng quy định, hạn chế tối đa khả năng sụt lở đất, đá xung quanh.

- Trong quá trình khai thác không để đất, đá treo, khai thác đến đâu sử dụng đất thải để gia cố sườn tầng, bờ bao, ngăn chặn sụt lở khi khai thác xuống sâu. Những khu vực tiếp giáp có nguy cơ sụt lở, sụt lún đất, đá cần củng cố ổn định. Ưu tiên xử lý khu vực có độ cao lớn, vách vĩa thẳng đứng về trạng thái ổn định an toàn trước khi tiến hành khai thác.

- Vào những ngày mưa bão, phải tạm dừng hoạt động khai thác đất, đá, yêu cầu cán bộ, công nhân rời khỏi khu vực dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy và tuyệt đối tuân thủ quy định về phòng cháy, chữa cháy.

- Sửa chữa, cải tạo kịp thời những đoạn đường bị hư hỏng có xe vận tải của dự án đi qua.

Sử dụng xe có tải trọng từ 20 tấn trở xuống để vận chuyển đất, đá khai thác tại mỏ. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường đường vận chuyển được xác định

nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất gây ra, chủ dự án có trách nhiệm bố trí kinh phí, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương, đơn vị quản lý tuyến đường để khắc phục, sửa chữa kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông, nạo vét toàn bộ rãnh thoát nước, hồ lắng tại khu vực khai trường, cũng như khu vực phụ trợ trước, trong và sau những trận mưa hoặc trước khi vào mùa mưa.

- Công nhân tham gia trên công trường đều được học tập về các quy định an toàn lao động. Các công nhân trực tiếp thi công vận hành máy móc được đào tạo thực hành.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,...) và có những quy định về sử dụng.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư**

### **5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### *5.1.1. Không khí làm việc*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực xây dựng mỏ.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT.

#### *5.1.2. Nước thải sinh hoạt*

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày. Khi đó, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

#### *5.1.3. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT; định kỳ chuyên giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **5.2. Giai đoạn vận hành dự án**

#### *5.2.1. Không khí làm việc*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực khai thác.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT.

#### *5.2.2. Nước thải sinh hoạt*

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án khoảng 1,0 m<sup>3</sup>/ngày. Khi đó, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Phụ lục

XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

### *5.2.3. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TTBTNMT; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 398/TTr-TNMT ngày 08/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.